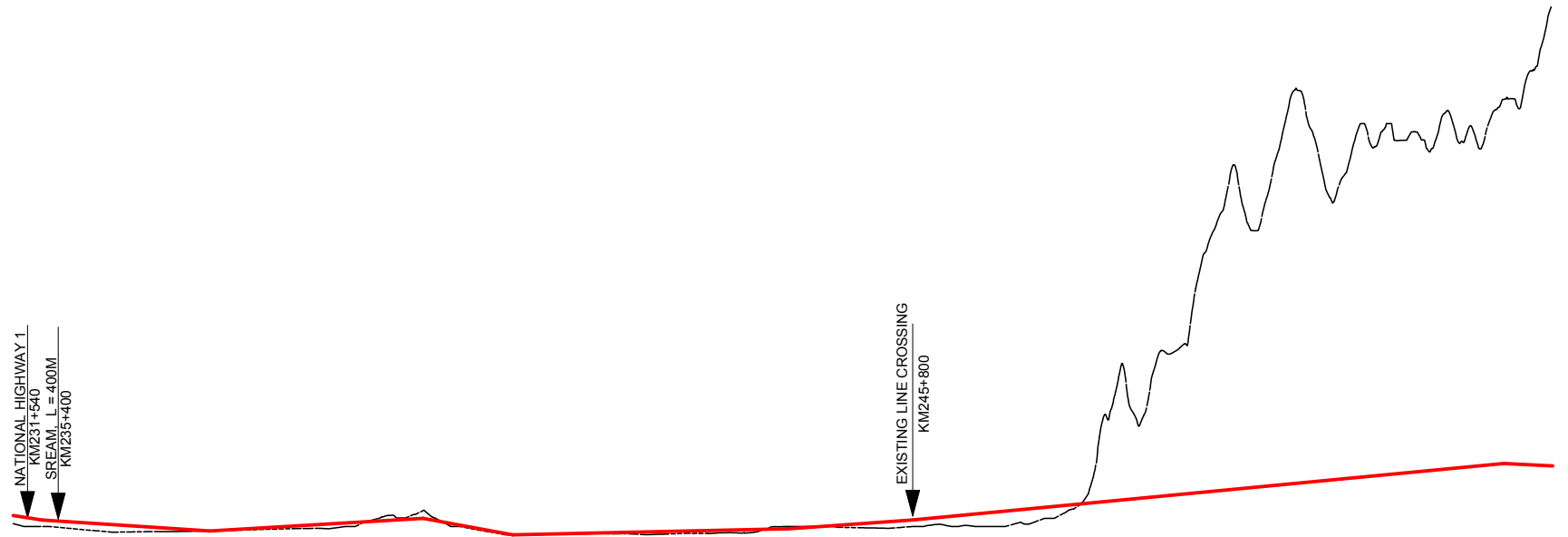
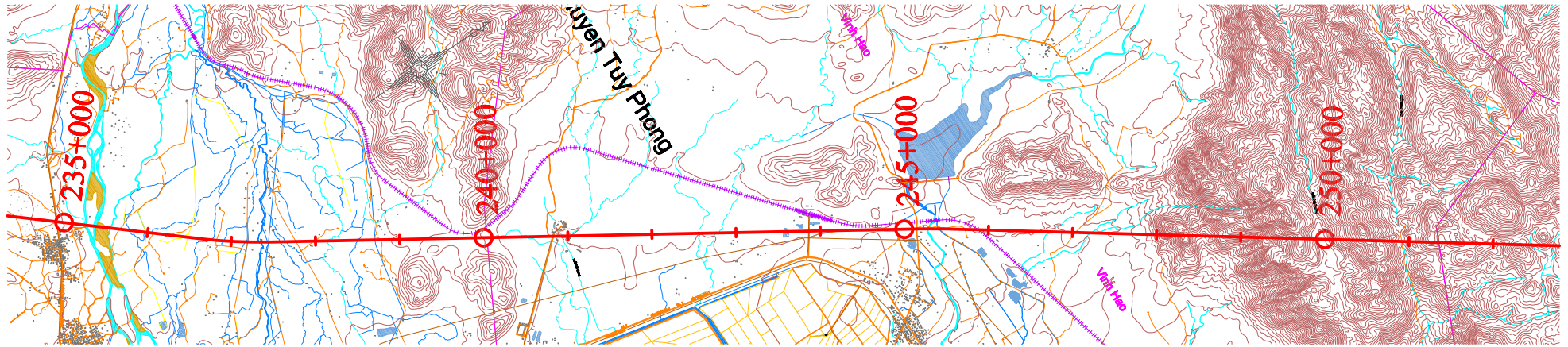
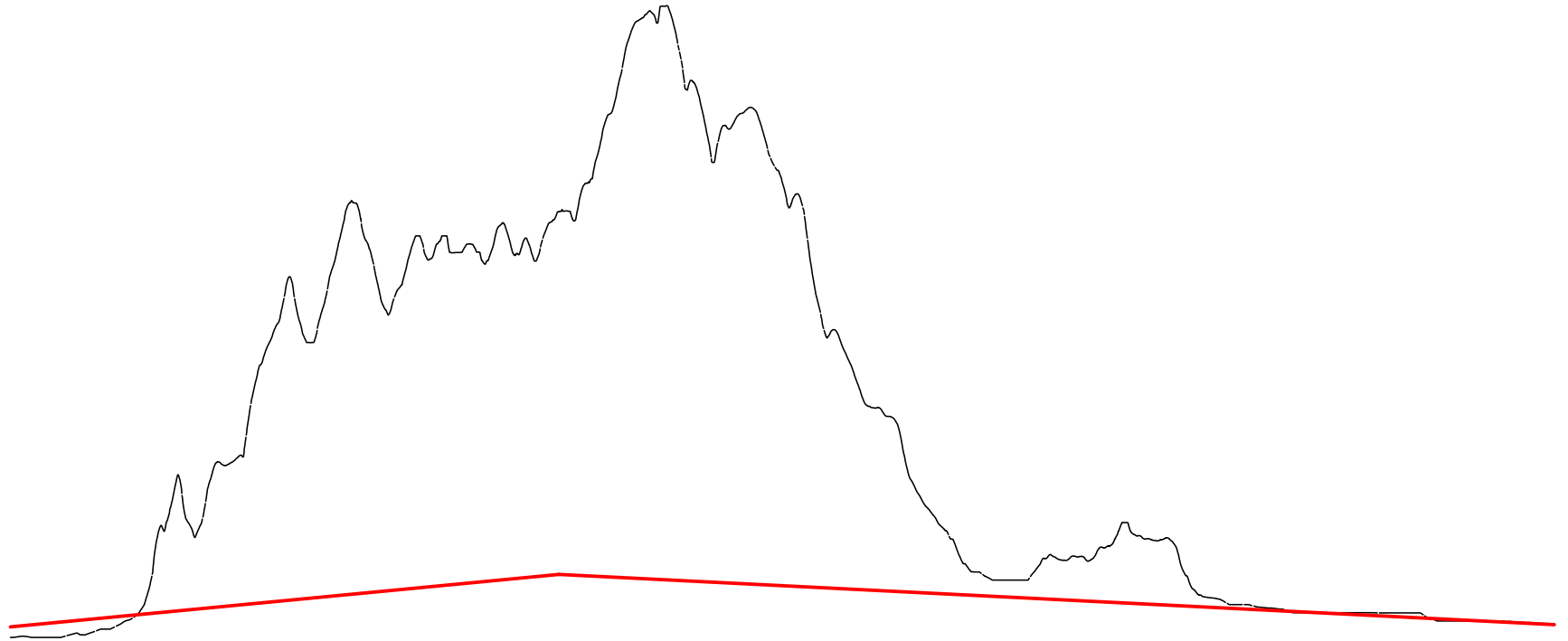
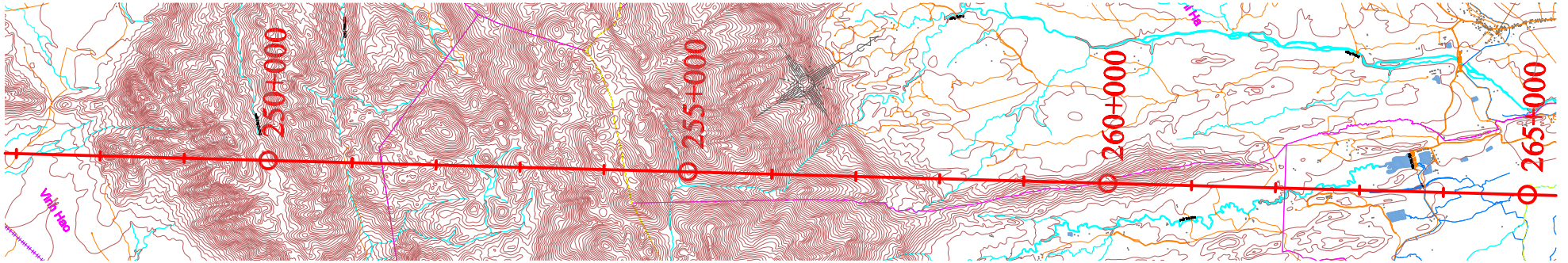


HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



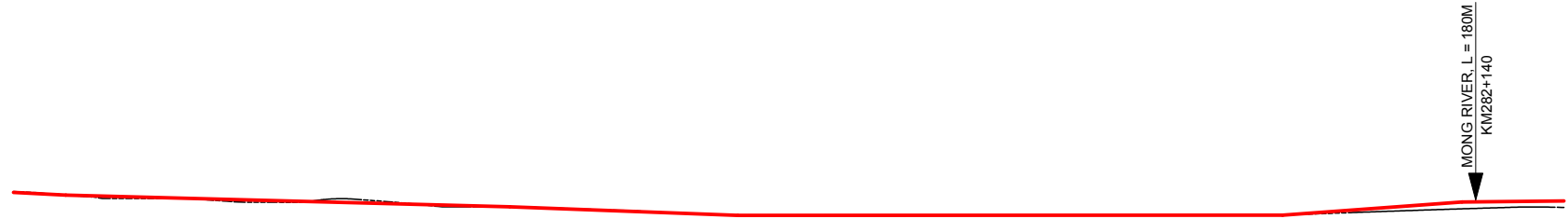
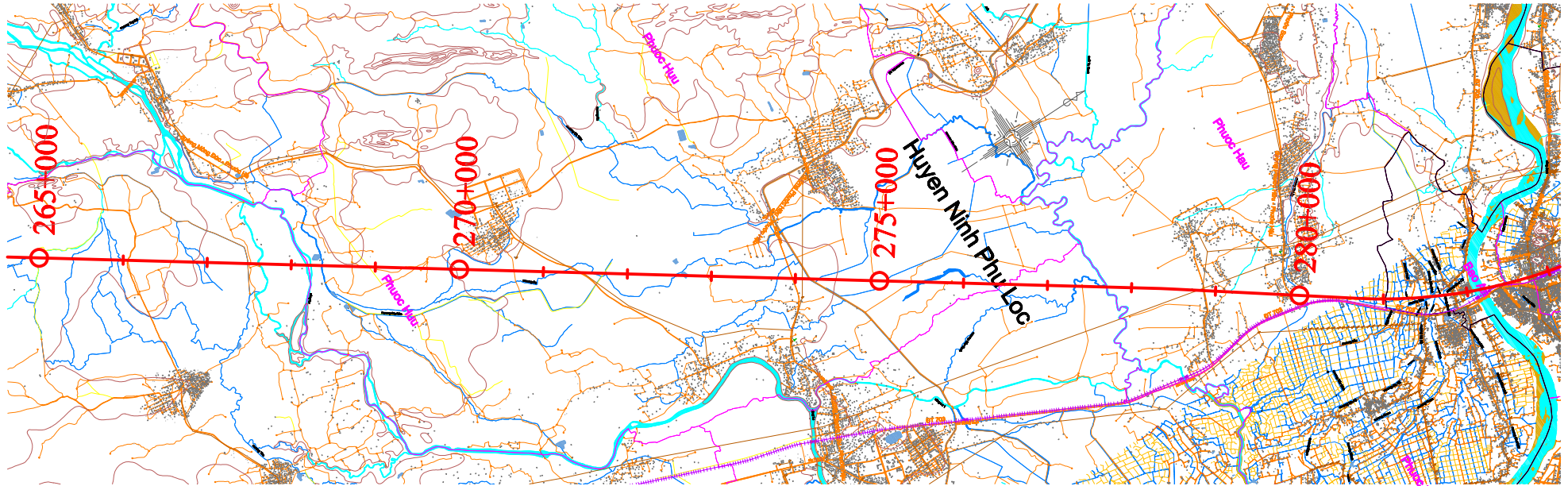
LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%) / (m)	i = -0.65% L = 2047.44m		i = 0.59% L = 2594.56m		i = 1.83% L = 1093.26m		i = 0.22% L = 3367.21m		i = 0.71% L = 1437.54m		i = 0.95% L = 7200.00m														
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	31.12	28.00	22.81	16.33	14.73	19.16	25.04	30.00	27.11	18.99	12.34	14.55	16.75	17.41	22.35	27.99	29.91	39.46	49.01	58.56	68.11	77.65	87.20	96.75	
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	20.00	20.00	13.64	14.21	14.73	16.77	20.03	39.42	29.85	18.88	11.32	11.56	16.70	19.95	18.87	20.01	21.43	22.06	79.39	233.22	379.94	436.74	490.33	539.86	
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN (m)	235000.00	235200.00	236000.00	237000.00	237247.40	238000.00	239000.00	239842.00	240000.00	240888.00	242000.00	243000.00	244000.00	244302.50	245000.00	245798.00	246000.00	247000.00	248000.00	249000.00	250000.00	251000.00	252000.00	253000.00	253500.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	0m	L=830.32m R=6000.00m		L=7734.16m																L=85.41m R=6000.00m					

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



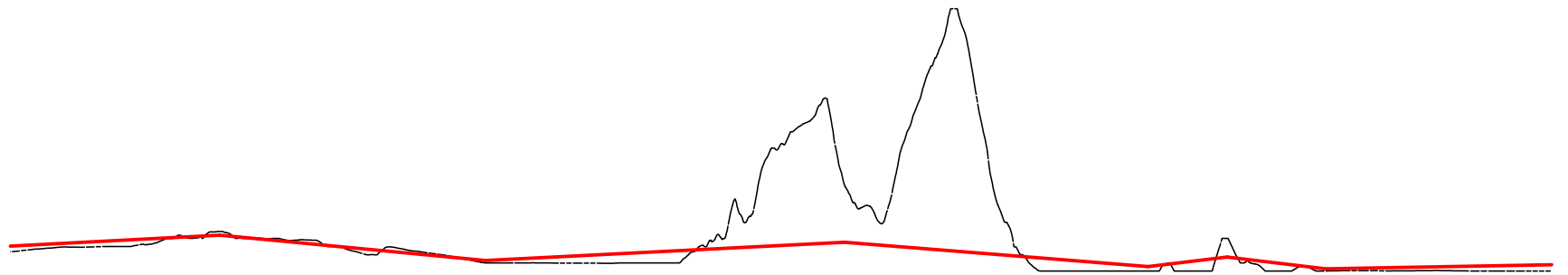
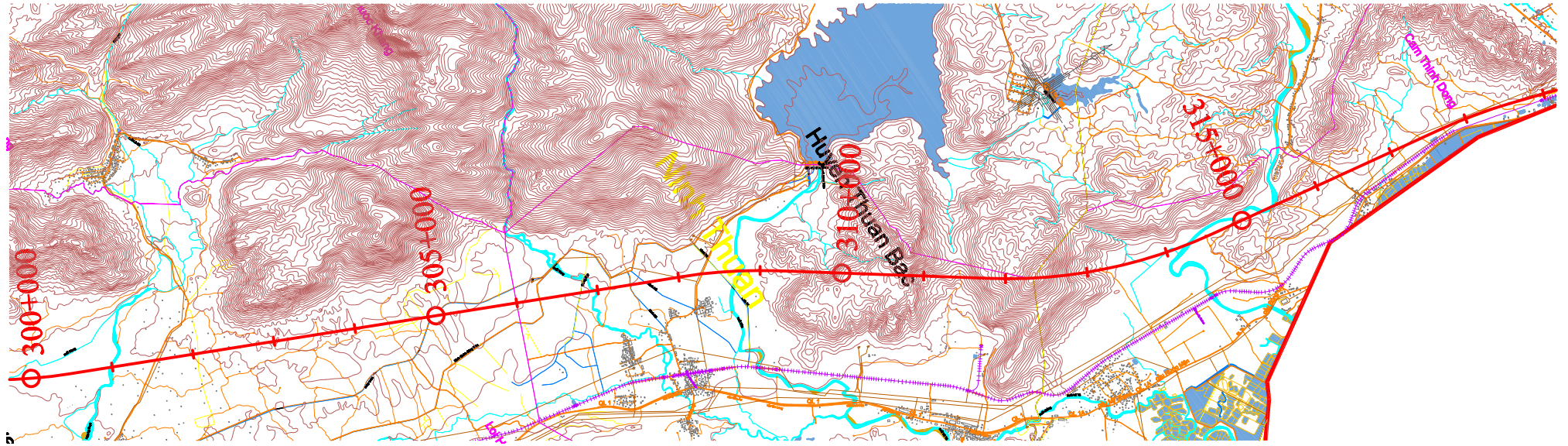
LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)																			
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	39.46	49.01	58.56	68.11	77.65	87.20	96.74	91.70	86.65	81.60	76.56	71.51	66.46	61.41	56.36	51.31	46.27	41.22	36.17
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	22.06	79.39	233.22	379.94	436.74	490.33	539.84	774.92	644.42	532.82	289.84	103.99	121.00	147.01	67.71	50.01	49.92	40.00	37.19
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	247000.00	248000.00	249000.00	250000.00	251000.00	252000.00	253000.00	254000.00	255000.00	256000.00	257000.00	258000.00	259000.00	260000.00	261000.00	262000.00	263000.00	264000.00	265000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG																			

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)																						
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	36.17	33.93	32.46	29.81	27.17	24.52	21.88	19.99	18.93	15.23	11.53	10.01	10.03	10.07	10.11	10.14	10.18	10.22	19.26	18.40	25.66	26.73
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	37.19	33.95	30.01	29.23	25.35	28.09	20.00	20.00	19.22	15.89	11.59	10.01	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.01	10.45	14.30	17.68	19.77
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	265000.00	265442.50	266000.00	267000.00	268000.00	269000.00	270000.00	270711.30	271000.00	272000.00	273000.00	273411.80	274000.00	275000.00	276000.00	277000.00	278000.00	279000.00	279870.80	281000.00	282000.00	283000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG																						

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	$i=0.53\%$ $L=3624.50m$		$i=-0.95\%$ $L=3246.50m$			$i=0.50\%$ $L=4380.00m$			$i=-0.80\%$ $L=3704.50m$			$i=1.20\%$ $L=965.50m$		$i=-1.20\%$ $L=1197.50m$		$i=0.18\%$ $L=2908.50m$								
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	41.38	46.67	51.97	53.93	47.99	38.47	28.95	23.07	24.97	30.01	35.06	40.10	45.18	37.19	29.22	21.26	15.67	19.20	27.23	23.30	13.92	14.89	16.64	
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	35.42	40.00	50.21	58.43	49.54	34.41	31.16	20.00	19.99	19.63	21.05	137.15	114.69	246.79	66.14	10.15	10.02	14.68	50.00	18.81	10.19	10.41	10.53	10.00
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	301000.00	302000.00	303000.00	303375.50	304000.00	305000.00	306000.00	306618.00	307000.00	308000.00	309000.00	310000.00	311002.00	312000.00	313000.00	314000.00	314702.50	315000.00	315672.00	316000.00	316865.50	317000.00	318000.00	319000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	L=7575.80m					L=1157.73m R=6000.00m		L=2602.80m			L=2792.69m R=6000.00m		L=3070.55m			L=900.03m R=6000.00m								